

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Bản án số: 51/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 08/11/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

2. Ông Nguyễn Văn Đích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 08/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn H** - Sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 3 (nay là tổ 6) phường P, quận S, TP. Đà Nẵng (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Thạch Thị Kim S** - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 3 (nay là tổ 6) An Thị phường A, quận S, TP. Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn - ông Trần Văn H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Thạch Thị Kim S sống chung với nhau từ năm 2004 nhưng do cả hai người đều chưa đủ tuổi kết hôn nên đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại tổ 3, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ tôi bỏ tôi cùng bốn con đi theo người đàn ông khác và nay đã cùng người đàn ông đó sinh được một đứa con. Vợ chồng sống ly thân nhau từ 2014 cho tới nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống. Nay tôi xác định không còn yêu thương bà S nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà S.

- Về con chung: Tôi và bà S có 04 con chung là: Trần Văn N, sinh ngày 22.09.2004; Trần Văn L, sinh ngày 20.09.2006; Trần Văn P, sinh ngày 21.10.2010; Trần Văn H1, sinh ngày 27.04.2013. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả bốn con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi; tôi không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không có.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

*** Bị đơn là bà Thạch Thị Kim S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn H về điều kiện kết hôn, thời điểm và nơi đăng ký kết hôn. Chúng tôi sống chung với nhau từ năm 2004 nhưng do cả hai người đều chưa đủ tuổi kết hôn nên đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại tổ 3, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian sống chung ông H không đi làm, chỉ cờ bạc, banh bóng, số đề, rượu chè về đánh đập vợ con. Nay tôi đã suy nghĩ kỹ, tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau, không còn trách nhiệm gì với nhau nữa nên tôi cũng đồng ý ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Tôi và ông Trần Văn H có 04 con chung là: Trần Văn N, sinh ngày 22.09.2004; Trần Văn L, sinh ngày 20.09.2006; Trần Văn P, sinh ngày 21.10.2010; Trần Văn H1, sinh ngày 27.04.2013. Trong quá trình hòa giải tôi yêu cầu được nuôi con Trần Văn P, giao hết 03 con Trần Văn N, Trần Văn L, Trần Văn H1 cho ông H nuôi dưỡng; nhưng tại phiên tòa tôi yêu cầu được nuôi 02 con Trần Văn P và Trần Văn H1, giao 02 con Trần Văn N, Trần Văn L cho ông H nuôi dưỡng; tôi và ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không có.
- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S.

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 03 cháu Trần Văn N, Trần Văn L, Trần Văn P cho ông H nuôi dưỡng; giao cháu Trần Văn H1 cho bà S nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S đều xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Văn H đối với bà Thạch Thị Kim S là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S sống chung với nhau từ năm 2004 nhưng do cả hai người đều chưa đủ tuổi kết hôn nên đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn H và ý kiến của bà Thạch Thị Kim S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, hai ông bà đều thừa nhận trong quá trình chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Ông H thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bà S bỏ ông cùng bốn con đi theo người đàn ông khác và nay đã sinh con cho người đàn ông đó; còn bà S thì cho rằng trong thời gian sống chung ông H không đi làm, chỉ cờ bạc, banh bóng, số đề, rượu chè về đánh đập vợ con. Cả hai cũng đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên cả hai đều thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai ông bà đã đến mức trầm trọng, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì cũng không đạt được mục đích; việc thuận tình ly hôn giữa hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần căn cứ các điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của hai ông bà.

[3] Về con chung: ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S xác định có 04 con chung là: Trần Văn N, sinh ngày 22.09.2004; Trần Văn L, sinh ngày 20.09.2006; Trần Văn P, sinh ngày 21.10.2010; Trần Văn H1, sinh ngày 27.04.2013.

Ly hôn, ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả bốn con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi; ông không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình hòa giải bà S yêu cầu được nuôi con Trần Văn P, giao hết 03 con Trần Văn N, Trần Văn L, Trần Văn H1 cho ông H nuôi dưỡng; nhưng tại phiên tòa bà yêu cầu được nuôi 02 con Trần Văn P và Trần Văn H1, giao 02 con Trần Văn N, Trần Văn L cho ông H nuôi dưỡng; bà và ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của hai ông bà về việc nuôi con thì thấy, ngay từ khi bà S bỏ nhà ông H đi về nhà cha mẹ bà ở, bà đã dẫn theo cả 04 con nhưng do nhà cha mẹ bà bị cháy, không có chỗ ở nên bà phải giao lại 04 con cho ông H nuôi dưỡng; nay bà S xác định nhà cửa đã ổn định, bà tha thiết xin được đón 02 con Trần Văn P và Trần Văn H về nuôi. Như vậy chứng tỏ bà S cũng rất có trách nhiệm với các con. Hiện nay, mặc dù các cháu Trần Văn N, Trần Văn L, Trần Văn P đều có nguyện vọng được ở với ba nhưng do các cháu Trần Văn P và Trần Văn H1 còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc chu đáo của mẹ. Mặt khác, nếu để một mình ông H nuôi cả 04 cháu theo nguyện vọng của ông thì ông cũng rất khó khăn trong việc quản lý và nuôi dạy các cháu. Do đó, HĐXX thấy cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 giao các cháu Trần Văn N, Trần Văn L cho ông Trần Văn H nuôi dưỡng; giao các cháu Trần Văn P, Trần Văn H1 cho bà Thạch Thị Kim S nuôi dưỡng. Ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S đều xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” ông Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Văn H đối với bà Thạch Thị Kim S.

2. Về con chung:

Xử:

- Giao các cháu Trần Văn N, Trần Văn L cho ông Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng;

- Giao các cháu Trần Văn H1, Trần Văn P cho bà Thạch Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn H và bà Thạch Thị Kim S không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ ông Trần Văn H phải chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng phí 300.000đ ông Trần Văn H đã nộp tại biên lai thu số 08904 ngày 06.8.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận S .

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S
- Những người tham gia tố tụng
- Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa